

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2021

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Nguyễn Quốc Toàn.

Ông Phạm Công Gia.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện VKSND huyện Tân Phú , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa :***  
Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 14, ấp 5, xã P huyện T, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh Võ Văn M, sinh năm 1970, địa chỉ: địa chỉ: Tổ 14, ấp 5, xã P huyện T, tỉnh Đồng Nai;

*(Chị B, anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/9/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 nhưng đến năm 1990 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/1990.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột, ngoài ra anh M thường xuyên đi uống rượu, bia, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Chị cũng đã cố gắng chịu đựng và khuyên can anh M nhiều lần nhưng anh M vẫn không thay đổi bản thân cho nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị B thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Võ Minh Tr, sinh ngày 22/4/1990, Võ Tuấn D, sinh ngày 07/12/1992 và Võ Quốc C, sinh ngày 28/11/1997. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020 ý kiến của bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận, lời trình bày của chị B về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 6/2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do làm ăn kinh tế gia đình bị thất bại, anh buồn và đi uống rượu, bia với bạn nhưng chị B không đồng ý nên từ đó vợ chồng xảy ra cự cãi, xung đột. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh mong muốn hòa giải để hai vợ chồng quay về sống chung với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Võ Minh Tr, sinh ngày 22/4/1990, Võ Tuấn D, sinh ngày 07/12/1992 và Võ Quốc C, sinh ngày 28/11/1997. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị B đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), Giấy khai sinh con chung (Bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, biên bản ghi lời khai của chị B và anh M. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị B không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm, anh M vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 40, 42 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh M.

+Về con chung: Chị B, anh M có 03 con chung là Võ Minh Tr, sinh ngày 22/4/1990, Võ Tuấn D, sinh ngày 07/12/1992 và Võ Quốc C, sinh ngày 28/11/1997. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị B phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị B có đơn khởi kiện ly hôn với anh Võ Văn M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn" và xác định chị B là nguyên đơn, anh M là bị đơn.

[1.2] Anh Võ Văn M là bị đơn có nơi cư trú tại xã P huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị B, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị B và bị đơn Võ Văn M.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị B và anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/1990. Như vậy, hôn nhân giữa chị B và anh M được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị B yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị B yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột, ngoài ra anh M thường xuyên đi uống rượu bia, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Anh M cùng trình bày mâu thuẫn vợ chồng do làm ăn kinh tế gia đình bị thất bại nên anh buồn và đi uống rượu, bia với bạn nhưng chị B không đồng ý nên từ đó vợ chồng xảy ra cự cãi, xung đột. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh M thì anh M không đồng ý và mong muốn hai vợ chồng quay về sống chung với nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì cũng xác định được gia đình chị B và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi và xung đột, ngoài ra do anh M thường xuyên uống rượu, bia. Anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn không đến tòa để tham gia hòa giải, thể hiện anh M không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị B và anh M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh, chị có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị B, cho chị được ly hôn với anh M.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh M có 03 con chung: Võ Minh Tr, sinh ngày 22/4/1990, Võ Tuấn D, sinh ngày 07/12/1992 và Võ Quốc C, sinh ngày 28/11/1997. Hiện nay cháu Tr, cháu D, cháu C đã thanh niên và có khả năng lao động vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 40, 42 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 19, 51, 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Võ Văn M.

- *Về con chung:* Chị B và anh M có 03 con chung gồm: Võ Minh Tr, sinh ngày 22/4/1990, Võ Tuấn D, sinh ngày 07/12/1992 và Võ Quốc C, sinh ngày 28/11/1997. Hiện nay cháu Tr, cháu D, cháu C đã thanh niên và có khả năng lao động vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2/ *Về án phí:* Chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai thu số 0003642 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Chị B, anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P (để ghi vào sổ hộ tịch; số 02/1990 ngày 04/01/1990);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**